

Số: /SNNPTNT-TTBVTV

Ninh Thuận, ngày tháng 8 năm 2024

V/v cơ cấu giống và thời vụ gieo
trồng vụ Mùa năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Ninh Thuận, từ tháng 9/2024 đến tháng 02/2025 như sau: Hiện tại, hiện tượng ENSO đang ở pha trung tính; dự báo từ tháng 8-9/2024, ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái La Nina với xác suất 65-75%, từ tháng 10-11/2024, dự báo hiện tượng ENSO tiếp tục duy trì ở trạng thái La Nina với xác suất khoảng 80-90%. Từ tháng 10-11/2024, trên Biển Đông có khả năng xuất hiện khoảng từ 04-05 cơn bão/ATNĐ, trong đó có khoảng 02-03 cơn đổ bộ vào đất liền. Khu vực tỉnh Ninh Thuận từ tháng 08-10/2024 ít có khả năng ảnh hưởng xoáy thuận nhiệt đới; từ tháng 11-12/2024 có khả năng ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của 01- 02 cơn xoáy thuận nhiệt đới. Nắng nóng xảy ra chủ yếu tháng 8, hiện tượng nắng nóng gay gắt nhiệt độ 36-38⁰C. Nhiệt độ trung bình từ tháng 9-11/2024 phổ biến 26,0-27,7⁰C ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN; từ tháng 12/2024-2/2025 phổ biến 24,2-25,5⁰C ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN. Dự báo tháng 10 và 11/2024, mực nước trên các sông suối khu vực tỉnh Ninh Thuận dao động nhỏ, xen kẽ xuất hiện lũ ở mức báo động 1 đến báo động 3, có nơi trên báo động 3, lượng dòng chảy trên các sông suối phổ biến xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

Về dự báo lượng mưa: Lượng mưa khu vực ven biển: Từ tháng 9/2024 đến tháng 11/2024, tổng lượng mưa 360-500 mm ở mức xấp xỉ đến thấp hơn TBNN; từ tháng 12/2024 đến tháng 2/2025, tổng lượng mưa 80-150 mm ở mức xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ. Lượng mưa khu vực miền núi: Từ tháng 9/2024 đến tháng 11/2024, tổng lượng mưa 450-650 mm, ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN; từ tháng 12/2024 đến tháng 2/2025, tổng lượng mưa 70-130 mm ở mức xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ.

Về lượng nước: Tính đến ngày 05/8/2024, lượng nước tích trữ được tại 23 hồ đạt 135,75/417,70 triệu m³, đạt 32,5% dung tích thiết kế. Cụ thể như sau: Sông Cái 73,84/219,81 triệu m³; Sông Sắt 33,42/69,33 triệu m³; Trà Co 4,11/10,10 triệu m³; Phước Trung 0,93/2,35 triệu m³; Phước Nhơn 0,21/0,97 triệu m³; Sông Trâu 6,31/31,53 triệu m³; Ba Chi 0,21/0,40 triệu m³; Ma Trai 0,43/0,48 triệu m³; Bà Râu 1,56/4,67 triệu m³; Lợi Hải 1,81/3,26 triệu m³; Tân Giang 6,25/13,39 triệu m³; CK7 0,00/1,43 triệu m³; Suối Lớn 0,01/1,06 triệu m³; Bầu Ngủ 0,14/1,60 triệu m³; Sông Biêu 0,31/23,78 triệu m³; Núi Một 1,18/2,25 triệu m³; Nước Ngọt 0,25/1,81 triệu m³; Ông Kinh 0,00/0,83 triệu m³; Thành Sơn 0,82/3,05 triệu m³; Tà Ranh 0,16/1,22 triệu m³; Bầu Zôn 0,05/1,69 triệu m³; Lanh Ra 0,30/13,88 triệu m³; Cho Mo 3,46/8,80 triệu m³. Hồ Đơn Dương tích được 57,32/165 triệu m³, đạt

34,74% dung tích thiết kế, lượng nước vào 28,21 m³/s và lưu lượng xả qua nhà máy 20,08 m³/s.

Để chủ động sản xuất vụ Mùa năm 2024 đạt hiệu quả cao, trên cơ sở nguồn nước hiện có tại các hồ chứa, tình hình nguồn nước của hồ Đơn Dương và tiến độ thu hoạch lúa vụ Hè Thu năm 2024 trên địa bàn tỉnh (*dự kiến thu hoạch xong trước ngày 15/9/2024*), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Khuyến cáo người dân tập trung thu hoạch nhanh gọn lúa vụ Hè Thu năm 2024, tiến hành cày ải sớm, kết hợp nạo vét và khơi thông kênh mương nội đồng; thu gom, tiêu diệt ốc bươu vàng và vệ sinh đồng ruộng trước khi gieo sạ; đặc biệt là phải tuân thủ Hướng dẫn về cơ cấu giống và thời vụ một số cây trồng chính trong vụ Mùa năm 2024 theo khuyến cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Phối hợp với các đơn vị ngành Nông nghiệp và Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tập trung chỉ đạo người dân xuống giống dứt điểm, không để tình trạng trên một xứ đồng tồn tại nhiều trà lúa do bố trí lệch vụ; tuyên truyền, vận động người dân sử dụng giống xác nhận, bộ giống lúa ngắn ngày, giống kháng hoặc ít nhiễm rầy nâu. Đồng thời, tiếp tục triển khai quyết liệt việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhất là ở những vùng tưới bấp bênh, vùng cuối kênh, khu vực tưới của các trạm bơm sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng cạn sử dụng ít nước, phù hợp với điều kiện từng vùng và nhu cầu thị trường (*như rau đậu, bắp, cỏ chăn nuôi, cây ăn quả,...*) nhằm góp phần tăng hiệu quả sản xuất cho người dân. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các mô hình sản xuất cánh đồng lớn năm 2024 theo Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh.

Đề nghị UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện tốt các nội dung trên. Trong quá trình triển khai nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để cùng phối hợp giải quyết./

(*Kèm theo Hướng dẫn cơ cấu giống và thời vụ gieo trồng vụ Mùa năm 2024*)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục Trồng trọt (báo cáo);
- Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh;
- Các Phòng: Nông nghiệp và PTNT, Kinh tế;
- Các cơ sở sản xuất giống cây trồng trong tỉnh;
- Chi cục Thủy lợi;
- Các Trung tâm: Khuyến nông, Dịch vụ GCTVNTS;
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLCN, TTBVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trương Khắc Trí

HƯỚNG DẪN CƠ CẤU GIỐNG VÀ THỜI VỤ MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH TRONG VỤ MÙA NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số /SNNPTNT-TTBVTV ngày tháng 8 năm 2024)

I. CÂY LÚA

1. Cơ cấu giống:

Nên sử dụng các loại giống lúa từ cấp xác nhận trở lên, giống ngắn ngày cho năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt, phù hợp với từng vùng và từng loại đất. Cơ cấu giống lúa đưa vào sản xuất vụ Mùa được đánh giá kháng hoặc ít bị nhiễm rầy nâu, vàng lùn và lùn xoắn lá, dễ chăm sóc, năng suất cao và chất lượng tốt, cụ thể như sau:

- Huyện Ninh Phước và huyện Thuận Nam

+ Hạt bầu tròn: ML 202, ML 214, CB 3988, TH 41 phục tráng, TH 6, ML48, MT10, PY2, ĐH815-6, Q5, BĐR57, BĐR999.

+ Hạt dài: An Sinh 1399, OM6976, OM5451, OM4900, ĐV108, Đài Thơm 8, QNg 128.

- Huyện Ninh Sơn và huyện Bác Ái

+ Hạt bầu tròn: ML202, CB3988, TH41 phục tráng, TH6, MT10, PY2, ĐH815-6, Q5, BĐR57, BĐR999.

+ Hạt dài: An Sinh 1399, OM4900, OM6976, OM5451, KD18, ĐV108, Đài Thơm 8, QNg 128.

- Huyện Ninh Hải và huyện Thuận Bắc

+ Hạt bầu tròn: ML48, ML202, ML214, CB3988, TH41 phục tráng, TH6, MT10, PY2, ĐH815-6, Q5, BĐR57, BĐR999.

+ Hạt dài: An Sinh 1399, OM4900, OM3536, OM5451, OMCS2000, ĐV108, Đài Thơm 8, QNg 128.

- Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm

+ Hạt bầu tròn: ML202, ML214, TH41 phục tráng, TH 6, ML48, MT10, PY2, ĐH815-6, Q5, BĐR57, BĐR999.

+ Hạt dài: An Sinh 1399, OM4900, OM3536, OM6976, OM5451, ĐV108, Đài Thơm 8, QNg 128.

*Lưu ý:

- Sử dụng **giống cấp xác nhận, giống phục tráng** kết hợp áp dụng kỹ thuật “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”; hướng dẫn, khuyến cáo giảm lượng giống gieo sạ xuống mức 120 - 150 kg/ha; bón phân cân đối, hợp lý và hiệu quả; áp dụng tốt các giải pháp kỹ thuật phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM); quản lý nước trong ruộng lúa theo từng giai đoạn sinh trưởng và chủ động tưới theo quy trình ướn - khô xen kẽ nhằm tiết kiệm nước.

- Các địa phương cần có kế hoạch xuống giống tập trung, đồng loạt, né rầy cho từng vùng, từng cánh đồng. Tăng cường thực hiện biện pháp phòng trừ quyết liệt, đồng bộ khi còn ở phạm vi hẹp để giảm thấp nhất thiệt hại do sâu bệnh gây ra.

- Thực hiện quyết liệt chuyển đổi cơ cấu cây trồng (*chuyển đổi từ trồng lúa sang cây trồng cạn, sử dụng ít nước như rau đậu, bắp, cỏ chăn nuôi, cây ăn quả, ...*) nhằm tăng hiệu quả sản xuất trên cùng đơn vị diện tích.

2. Thời vụ:

Thời vụ xuống giống tập trung từng vùng, từng trà nhanh gọn với phương châm tiết kiệm nước. Tùy theo điều kiện cụ thể của từng vùng, từng chân ruộng, bố trí lịch thời vụ gắn với cơ cấu giống trung, ngắn ngày để cho lúa đại trà trở từ 30/10/2024 đến 25/11/2024, thu hoạch trước 25/12/2024. Căn cứ thời điểm lúa trở để xác định lịch thời vụ gieo sạ lúa đại trà cho phù hợp, không gieo sạ muộn ảnh hưởng đến lịch gieo sạ vụ Đông Xuân năm 2024 -2025.

- Thời vụ Mùa 2024 chính vụ: Từ ngày 25/8/2024 đến ngày 25/9/2024, chậm nhất không quá ngày 05/10/2024, cụ thể như sau:

+ Đối với hệ thống Sông Pha huyện Ninh Sơn (*kênh chính Đông và kênh chính Tây*): Gieo sạ từ ngày 25/8/2024 đến ngày 25/9/2024.

+ Đối với hệ thống đập dâng Nha Trinh huyện Ninh Phước (*gồm kênh chính Nam, kênh Chàm, kênh Nam 2*); kênh chính Bắc thuộc hệ thống đập dâng Nha Trinh (*gồm xã Nhơn Sơn thuộc huyện Ninh Sơn, huyện Ninh Hải, Thuận Bắc và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm*); hệ thống đập dâng Lâm Cẩm thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (*kênh Tấn Tài, kênh Tân Hội*): Gieo sạ từ ngày 30/8/2024 đến ngày 25/9/2024, chậm nhất không quá ngày 05/10/2024.

- Đối với diện tích sản xuất tại huyện Thuận Nam (*sử dụng nước tưới từ các hồ Tân Giang, Sông Biêu, Bàu Ngự, Suối Lớn, CK7, Núi Một*) và các xã Phước Hữu, Phước Dân của huyện Ninh Phước (*sử dụng nước tưới của hồ Tân Giang, Sông Biêu*) thời gian gieo sạ lúa vụ Mùa sớm hơn so với vụ Mùa chính vụ khoảng 10 -15 ngày, cụ thể thời gian bắt đầu gieo sạ: Từ ngày 10/8/2024 đến ngày 10/9/2024, chậm nhất không quá ngày 15/9/2024 (*Tùy vào tình hình thời tiết thực tế tại địa phương có thể điều chỉnh thời gian gieo trồng nhưng vẫn đảm bảo khung lịch thời vụ*).

- Đối với diện tích sản xuất tại huyện Thuận Bắc (*sử dụng nước tưới của các hồ Sông Trâu, Bà Râu, Ba Tri*): Bố trí thời gian gieo sạ lúa vụ Mùa muộn hơn so với vụ Mùa chính vụ khoảng 10-15 ngày, cụ thể thời gian bắt đầu gieo sạ từ ngày 25/8/2024 đến ngày 05/10/2024, chậm nhất không quá ngày 10/10/2024. Ngoài ra, những vùng trũng thường bị ngập úng khi xuất hiện lũ hoặc không kịp thời vụ Mùa năm 2024 nên chuyển sang gieo trồng vụ Đông Xuân 2024-2025 sớm để đảm bảo sản xuất đạt hiệu quả.

II. CÂY BẮP

1. Cơ cấu giống:

Dùng các giống bắp lai: Thịnh Vượng 9999, NK7328, LVN10, SSC557, VN8960, HN68, HN88, MX10, CX 247, giống bắp nếp địa phương.

- Vùng miền núi: Dùng các giống VN 8960, LVN10, SSC557, MX10, bắp nếp địa phương.

- Vùng đồng bằng: Dùng các giống Thịnh Vượng 9999, NK7328, LVN10, SSC 557, VN8960, HN68, HN88, MX10, CX 247, giống bắp nếp địa phương.

2. Thời vụ: Tập trung xuống giống từ đầu tháng 9/2024 đến 10/10/2024.

III. CÂY ĐẬU XANH

1. Cơ cấu giống:

Dùng giống chất lượng tốt, chống chịu hạn, sâu bệnh. Đối với đậu xanh sử dụng các giống HL 89-E3, HL 28, ĐX 208 và một số giống có tiềm năng.

2. Thời vụ: Trồng từ đầu tháng 9/2024 đến 10/10/2024. Khi trồng nên lên luống cao để tránh bị ngập úng lúc gặp mưa nhiều.

IV. CÂY RAU CÁC LOẠI

Tùy theo điều kiện cụ thể và chủng loại rau, tập quán canh tác để bố trí cây trồng hợp lý, cần có kế hoạch gieo trồng cho phù hợp, định hướng tiêu thụ theo nhu cầu thị trường. Các huyện, thành phố có kế hoạch tăng cường hướng dẫn, tập huấn cho nông dân trồng rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thời vụ: Tùy chủng loại rau trồng từ đầu tháng 9/2024 đến 10/10/2024.

V. CÂY MÈ

1. Cơ cấu giống: Giống Mè đen: NA2, ADB1, Mè đen 2 vỏ Bình Thuận.

2. Thời vụ: Trồng từ đầu tháng 9/2024 đến 10/10/2024.

VI. CÂY MÍA

1. Cơ cấu giống:

Dùng các giống chủ lực chịu hạn, có năng suất và chữ đường cao như: MY55-14, K95-84, K88-92, K95-156, Suphaburi 7, KK3,...

2. Thời vụ: Vùng chủ động nước, trồng từ tháng 9 -10/2024.

VII. CÂY MÌ

1. Cơ cấu giống:

Trồng các giống mì chủ lực như: KM94, KM98, KM228, HN5,... Tuyệt đối không sử dụng, mua, bán, trao đổi, vận chuyển hom sản từ các vùng bị bệnh về để làm giống, không trồng các giống mì mắc cảm với bệnh virút khảm lá như: HLS-11,...

2. Thời vụ: Trồng từ đầu tháng 9-10/2024.

VIII. CỎ CHĂN NUÔI

1. Cơ cấu giống: Sử dụng giống cỏ VA06, cỏ Sả (*cỏ Ghinê*), cỏ Ruzi, cỏ Cao Lương lai CFSH 30 và các giống cỏ chịu hạn khác.

2. Thời vụ: Tranh thủ vụ Mùa có mưa, độ ẩm trong đất phù hợp cho sinh trưởng và phát triển các giống cỏ, các địa phương khuyến cáo người dân xuống giống để đáp ứng nhu cầu nguồn thức ăn cho gia súc.
